

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ 4 NĂM 2023**



**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	05 – 20
5. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	21

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

*Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

*ĐVT: VND*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.071.764.691.450</b>	<b>1.585.777.621.675</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>120.230.008.269</b>	<b>160.487.675.358</b>
111	1. Tiền		107.124.319.228	160.487.675.358
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.105.689.041	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>212.817.613.319</b>	<b>259.716.177.113</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	93.792.846.281	122.057.024.887
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		37.984.064.404	7.781.855.463
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	82.102.296.904	130.938.891.033
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.061.594.270)	(1.061.594.270)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.5	<b>696.117.033.963</b>	<b>1.064.805.514.070</b>
141	1. Hàng tồn kho		702.457.355.015	1.070.257.925.652
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(6.340.321.052)	(5.452.411.582)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>42.600.035.899</b>	<b>100.768.255.134</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	5.452.494.493	14.590.320.157
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		36.581.988.116	85.702.578.901
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	565.553.290	475.356.076
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>934.523.127.247</b>	<b>992.872.561.421</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.764.438.612</b>	<b>10.642.438.612</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	5.733.000.000
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		2.475.438.612	2.475.438.612
216	3. Phải thu dài hạn khác		2.289.000.000	2.434.000.000
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>381.310.311.778</b>	<b>421.689.365.912</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	370.389.314.731	410.530.671.726
222	- Nguyên giá		549.915.667.901	566.804.296.838
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(179.526.353.170)	(156.273.625.112)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	10.920.997.047	11.158.694.186
228	- Nguyên giá		18.643.966.169	18.684.646.113
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.722.969.122)	(7.525.951.927)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.9	<b>469.195.962.094</b>	<b>469.195.962.094</b>
231	- Nguyên giá		469.195.962.094	469.195.962.094
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.250.000.000</b>	<b>1.250.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.250.000.000	1.250.000.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>78.002.414.763</b>	<b>90.094.794.803</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	13.602.535.428	15.733.969.698
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.178.561.614	3.080.983.534
269	3. Lợi thế thương mại	V.10	60.221.317.721	71.279.841.571
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.006.287.818.697</b>	<b>2.578.650.183.096</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>842.283.926.244</b>	<b>1.609.731.031.486</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>839.432.091.925</b>	<b>1.425.133.077.292</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		44.697.519.251	76.922.369.022
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	54.892.244.624	120.943.710.263
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	10.643.747.508	31.008.469.599
314	4. Phải trả người lao động		18.543.940.009	26.343.982.993
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.210.715.881	7.399.622.246
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	1.331.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		9.534.973.579	9.252.472.043
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	699.552.464.329	1.151.574.964.382
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		356.486.744	356.486.744
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.851.834.319</b>	<b>184.597.954.194</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		320.000.000	1.046.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
339	3. Trái phiếu chuyển đổi		-	179.926.111.113
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.531.834.319	3.625.843.081
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.164.003.892.453</b>	<b>968.919.151.610</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.14	<b>1.164.003.892.453</b>	<b>968.919.151.610</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		934.275.650.000	569.434.340.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		934.275.650.000	569.434.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		30.524.927.236	524.927.236
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		150.223.013.451	352.446.863.935
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		115.633.836.935	113.066.467.725
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		34.589.176.516	239.380.396.210
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		48.980.301.766	46.513.020.439
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.006.287.818.697</b>	<b>2.578.650.183.096</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
TRẦN KHÔI NGUYÊN

  
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG





**KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

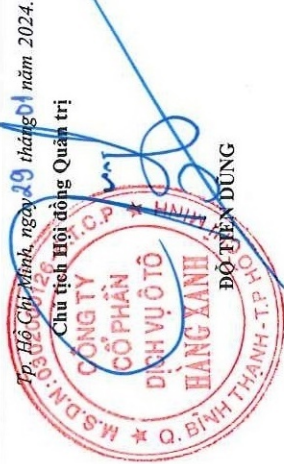
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.076.807.596.882	1.597.772.346.119	3.981.921.710.938	6.775.200.253.095
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.2	1.076.807.596.882	1.597.772.346.119	3.981.921.710.938	6.775.200.253.095
11	4. Giá vốn hàng bán		997.653.412.029	1.481.009.652.583	3.704.968.446.340	6.302.169.031.079
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.154.184.853	116.762.693.536	276.953.264.598	473.031.222.016
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		46.961.965	3.726.576.432	577.293.885	23.910.906.326
22	7. Chi phí tài chính	VI.3	4.659.423.441	18.488.869.371	37.314.859.768	29.304.223.975
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.659.423.441	18.447.030.172	37.240.679.150	29.176.530.443
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.4	43.325.156.849	40.451.760.766	145.056.296.613	143.681.567.442
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	11.024.150.870	15.928.799.066	76.186.451.537	64.271.875.379
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.192.415.658	45.619.840.765	18.972.950.565	259.684.461.546
31	12. Thu nhập khác		7.919.289.286	13.119.542.654	29.955.879.613	40.449.220.155
32	13. Chi phí khác		160.873.149	15.581.233	798.018.472	34.605.632
40	14. Lợi nhuận khác		7.758.416.137	13.103.961.421	29.157.861.141	40.414.614.523
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.950.831.795	58.723.802.186	48.130.811.706	300.099.076.069
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	7.445.022.018	14.200.322.454	13.265.940.706	63.775.213.150
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(1.975.550.045)	(2.727.945.152)	(2.191.586.843)	(3.408.877.008)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22.481.359.822	47.251.424.884	37.056.457.843	239.732.739.927
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		21.834.210.895	47.063.607.471	34.589.176.516	239.380.396.210
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		647.148.927	187.817.413	2.467.281.327	352.343.717
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	237	826	375	4.204
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	237	654	375	3.327

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>48.130.811.706</b>	<b>300.099.076.069</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>90.930.776.918</b>	<b>18.199.781.480</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		61.513.877.847	37.187.749.115
03	- Các khoản dự phòng		887.909.470	1.365.000.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.785.578.436)	(49.645.609.191)
06	- Chi phí lãi vay	VI.3	37.314.568.037	29.292.641.556
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>139.061.588.624</b>	<b>318.298.857.549</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		100.709.379.285	(50.110.559.179)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		367.800.570.637	(762.333.287.335)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(112.623.595.923)	(74.619.633.484)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.269.259.934	(12.721.433.013)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(37.240.679.150)	(22.310.942.482)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(35.653.551.031)	(60.997.048.622)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(356.486.744)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>432.966.485.632</b>	<b>(664.794.046.566)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(401.489.093.210)	(705.244.367.300)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		401.681.863.657	309.195.994.143
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		577.293.885	22.845.629.657
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>770.064.332</b>	<b>(373.202.743.500)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		14.000.000.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.965.333.871.206	4.920.440.265.027
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(3.417.356.371.259)	(3.784.750.539.303)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.971.717.000)	(24.758.491.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(473.994.217.053)</b>	<b>1.110.931.234.724</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>(40.257.667.089)</b>	<b>72.934.444.658</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	V.1	<b>160.487.675.358</b>	<b>87.553.230.700</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>120.230.008.269</b>	<b>160.487.675.358</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DŨNG





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 04 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh Thương mại, Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;.....
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Cho thuê xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). (Thực hiện cam kết với Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 446/2021/CV ngày 02/11/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh về việc cam kết ngành nghề kinh doanh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632);
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621);
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621) (trừ đấu giá hàng hóa, trừ các loại hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);
- Dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe..



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

#### 4. Chu kỳ năm sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

#### 5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 04 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04 công ty.

*Công ty con bao gồm:*

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%	98,32%
03	Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%
04	Công ty CP Ô tô An Thái (*)	Số 464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	0,00%	0,00%	52,35%	52,35%	32,51%	32,51%

(\*) Công ty CP Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty CP Ô tô An Thái).

#### 6. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31/12/2023 Tập đoàn có 962 nhân viên, tại ngày đầu năm có 914 nhân viên.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

*Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**

---

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **10. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### **11. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi được phát hành bởi Công ty mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty, được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

#### **12. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**

quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*





## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

---

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### 16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

#### 17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

#### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	21.884.168.530	28.983.183.118
Tiền gửi ngân hàng	85.240.150.698	131.504.492.240
Các khoản tương đương tiền	13.105.689.041	-
<b>Cộng</b>	<b>120.230.008.269</b>	<b>160.487.675.358</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>93.792.846.281</b>	<b>122.057.024.887</b>
Tổng Công Ty Bảo Hiểm Bảo Việt	3.439.529.314	3.097.276.651
Công ty Bảo Hiểm BSH Thủ Đức	1.442.208.495	1.388.232.295
Các khách hàng khác	88.911.108.472	117.571.515.941
<b>Cộng</b>	<b>93.792.846.281</b>	<b>122.057.024.887</b>

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

Chủ yếu là khoản tiền thưởng, hỗ trợ phải thu từ nhà máy.

**4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Phải thu thương mại</i>				
- Các đối tượng khác	1.061.594.270	-	1.061.594.270	-
<b>Cộng</b>	<b>1.061.594.270</b>	<b>-</b>	<b>1.061.594.270</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	95.826.915.199	(5.452.411.582)	97.746.548.226	(5.452.411.582)
- Công cụ, dụng cụ	117.639.689	-	168.174.140	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.057.298.075	-	8.270.591.090	-
- Hàng hóa	595.211.376.802	(887.909.470)	964.072.612.196	-
- Hàng đang đi trên đường	1.244.125.250	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>702.457.355.015</b>	<b>(6.340.321.052)</b>	<b>1.070.257.925.652</b>	<b>(5.452.411.582)</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Sửa chữa văn phòng	400.867.991	-
- Công cụ, dụng cụ	1.066.139.241	714.525.490
- Phí bảo hiểm cháy nổ	728.133.120	527.735.773
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.257.354.141	13.348.058.894
<b>Cộng</b>	<b>5.452.494.493</b>	<b>14.590.320.157</b>

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Sửa chữa văn phòng	2.320.074.525	5.816.206.985
- Công cụ, dụng cụ	4.556.337.879	7.721.592.881
- Chi phí trả trước dài hạn khác	6.726.123.024	2.196.169.832
<b>Cộng</b>	<b>13.602.535.428</b>	<b>15.733.969.698</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	191.972.694.631	49.249.540.096	315.602.859.417	7.161.553.295	2.817.649.399	566.804.296.838
Tăng trong năm	7.813.060.042	2.061.596.700	392.638.552.768	1.857.707.926	-	404.370.917.436
Giảm trong năm	(259.041.146)	(851.095.590)	(419.918.659.182)	(159.086.455)	(71.664.000)	(421.259.546.373)
<b>Số cuối năm</b>	<b>199.526.713.527</b>	<b>50.460.041.206</b>	<b>288.322.753.003</b>	<b>8.860.174.766</b>	<b>2.745.985.399</b>	<b>549.915.667.901</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	93.738.976.250	34.878.604.401	20.073.103.003	4.990.507.884	2.592.433.574	156.273.625.112
Khấu hao trong năm	9.203.176.485	3.802.313.228	36.568.368.124	847.999.423	160.223.905	50.582.081.165
Giảm trong năm	(66.897.602)	(343.006.844)	(26.805.407.126)	(78.581.095)	(35.460.440)	(27.329.353.107)
<b>Số cuối năm</b>	<b>102.875.255.133</b>	<b>38.337.910.785</b>	<b>29.836.064.001</b>	<b>5.759.926.212</b>	<b>2.717.197.039</b>	<b>179.526.353.170</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	98.233.718.381	14.370.935.695	295.529.756.414	2.171.045.411	225.215.825	410.530.671.726
<b>Số cuối năm</b>	<b>96.651.458.394</b>	<b>12.122.130.421</b>	<b>258.486.689.002</b>	<b>3.100.248.554</b>	<b>28.788.360</b>	<b>370.389.314.731</b>

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	7.038.229.313	18.684.646.113
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(40.679.944)	(40.679.944)
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.848.836.800</b>	<b>2.797.580.000</b>	<b>6.997.549.369</b>	<b>18.643.966.169</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	848.599.245	6.677.352.682	7.525.951.927
Khấu hao trong năm	-	55.951.596	181.745.543	237.697.139
Giảm trong năm	-	-	(40.679.944)	(40.679.944)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>904.550.841</b>	<b>6.818.418.281</b>	<b>7.722.969.122</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	8.848.836.800	1.948.980.755	360.876.631	11.158.694.186
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.848.836.800</b>	<b>1.893.029.159</b>	<b>179.131.088</b>	<b>10.920.997.047</b>

**9. Bất động sản đầu tư**

Là giá trị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Đường Võ Văn Kiệt, Khu Phố 3, P. An Lạc, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/NQ- HĐQT-HAX ngày 11/08/2022) chờ tăng giá hoặc phát triển Dự án Khu phức hợp kinh doanh xe ô tô kết hợp văn phòng, căn hộ cao cấp.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho bất động sản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên giá thị trường của khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**10. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty CP SX TM và DV Ô tô PTM	23.583.238.155	-	(6.288.863.508)	17.294.374.647
- Công ty CP Xe Khách & Dịch Vụ Miền Tây	47.696.603.416	-	(4.769.660.342)	42.926.943.074
<b>Cộng</b>	<b>71.279.841.571</b>	<b>-</b>	<b>(11.058.523.850)</b>	<b>60.221.317.721</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

**12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.149.322.786	-	68.139.454	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.986.641.442	297.415.224	30.373.537.915	296.701.379
- Thuế thu nhập cá nhân	507.783.280	9.371.381	566.792.230	118.253.743
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	258.766.685	-	60.400.954
<b>Cộng</b>	<b>10.643.747.508</b>	<b>565.553.290</b>	<b>31.008.469.599</b>	<b>475.356.076</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.130.811.706
Các khoản điều chỉnh tăng	24.663.072.126
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.732.243.480)
Thu nhập chịu thuế	71.061.640.352
Lỗi các năm trước được chuyển sang	(6.368.662.019)
Thu nhập tính thuế	64.692.978.333
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Thuế TNDN nộp theo thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>12.938.595.667</b>
Điều chỉnh Thuế TNDN của các năm trước	327.345.039
<b>Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>13.265.940.706</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức	699.552.464.329	699.552.464.329	1.151.574.964.382	1.151.574.964.382
<b>Cộng</b>	<b>699.552.464.329</b>	<b>699.552.464.329</b>	<b>1.151.574.964.382</b>	<b>1.151.574.964.382</b>

**14. Vốn chủ sở hữu****14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

**14b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	934.275.650.000	934.275.650.000	-
<b>Cộng</b>	<b>934.275.650.000</b>	<b>934.275.650.000</b>	<b>-</b>

**14c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	569.434.340.000	495.169.820.000
+ Vốn góp tăng trong năm	364.841.310.000	74.264.520.000
+ Vốn góp cuối năm	934.275.650.000	569.434.340.000

**14d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	93.427.565	56.943.434
- Cổ phiếu phổ thông	93.427.565	56.943.434
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	93.427.565	56.943.434
- Cổ phiếu phổ thông	93.427.565	56.943.434
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu kinh doanh xe	3.442.610.869.373	6.255.453.189.845
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	515.353.991.605	506.203.315.128
- Doanh thu hoạt động khác	23.956.849.960	13.543.748.122
<b>Cộng</b>	<b><u>3.981.921.710.938</u></b>	<b><u>6.775.200.253.095</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Chủ yếu là giá vốn của hoạt động kinh doanh xe và hoạt động sửa chữa xe.

**3. Chi phí tài chính**

Chủ yếu là lãi vay ngân hàng

**4. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	49.065.914.648	53.291.761.550
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.600.413.192	18.157.767.429
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí khác	62.389.968.773	72.232.038.463
<b>Cộng</b>	<b><u>145.056.296.613</u></b>	<b><u>143.681.567.442</u></b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	35.316.830.370	31.307.319.486
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.251.700.764	3.630.051.978
- Chi phí lợi thế thương mại	11.058.523.850	6.288.863.508
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	25.559.396.553	23.045.640.407
<b>Cộng</b>	<b><u>76.186.451.537</u></b>	<b><u>64.271.875.379</u></b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	37.056.457.843	239.732.739.927
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	<u>(2.467.281.327)</u>	<u>(352.343.717)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.589.176.516	239.380.396.210
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	92.284.551	56.943.434
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b><u>375</u></b>	<b><u>4.204</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)****7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	37.056.457.843	239.732.739.927
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	<u>(2.467.281.327)</u>	<u>(352.343.717)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.589.176.516	239.380.396.210
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	92.284.551	71.943.434
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b><u>375</u></b>	<b><u>3.327</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc).**

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:**

Tiền lương	Chức vụ	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	1.230.000.000	1.350.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	861.000.000	945.000.000
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	861.000.000	945.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	615.000.000	675.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>3.567.000.000</u></b>	<b><u>3.915.000.000</u></b>

**Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị**

	Chức vụ	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	360.000.000
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	180.000.000	180.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>1.080.000.000</u></b>	<b><u>1.080.000.000</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

### 3. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

### 4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất năm khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo nay cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ Ô TÔ  
HÀNG XANH  
Đ. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Đ. TIẾN DŨNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**  
 Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	1	2				
<b>A</b>						
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022</b>						
Tại ngày 01/01/2022	495.169.820.000	524.927.236	212.089.478.725	2.221.446.812	2.221.446.812	710.005.672.773
Tăng trong năm	74.264.520.000	-	239.380.396.210	50.405.847.622	50.405.847.622	364.050.763.832
- Lãi trong năm	-	-	239.380.396.210	352.343.717	352.343.717	239.732.739.927
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu	74.264.520.000	-	-	-	-	74.264.520.000
- Hợp cộng tài sản thuần của công ty con thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm đầu tiên	-	-	-	50.053.503.905	50.053.503.905	50.053.503.905
<b>Giảm trong năm</b>						
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(99.023.011.000)	(6.114.273.995)	(6.114.273.995)	(105.137.284.995)
- Chi trả cổ tức bằng tiền	-	-	(74.264.520.000)	-	-	(74.264.520.000)
- Phần giá trị đầu tư và lợi thế thương mại phân bổ cho cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 1	-	-	(24.758.491.000)	-	-	(24.758.491.000)
Tại ngày 31/12/2022	569.434.340.000	524.927.236	352.446.863.935	46.513.020.439	46.513.020.439	968.919.151.610
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023</b>						
Tại ngày 01/01/2023	569.434.340.000	524.927.236	352.446.863.935	46.513.020.439	46.513.020.439	968.919.151.610
Tăng trong năm	364.841.310.000	30.000.000.000	34.589.176.516	2.467.281.327	2.467.281.327	431.897.767.843
- Lãi trong năm	-	-	34.589.176.516	2.467.281.327	2.467.281.327	37.056.457.843
- Phát hành cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	150.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	180.000.000.000
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu	179.841.310.000	-	-	-	-	179.841.310.000
- Bổ sung từ thu tiền phát hành cổ phiếu cho người lao động	14.000.000.000	-	-	-	-	14.000.000.000
- Bổ sung từ lương Ban Điều hành bằng cổ phiếu	21.000.000.000	-	-	-	-	21.000.000.000
<b>Giảm trong năm</b>						
- Thường Ban Điều hành bằng cổ phiếu	-	-	(236.813.027.000)	-	-	(236.813.027.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(21.000.000.000)	-	-	(21.000.000.000)
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(179.841.310.000)	-	-	(179.841.310.000)
- Chi trả cổ tức bằng tiền	-	-	(35.971.717.000)	-	-	(35.971.717.000)
Tại ngày 31/12/2023	934.275.650.000	30.524.927.236	150.223.013.451	48.980.301.766	48.980.301.766	1.164.003.892.453

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2024.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DUNG